

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẢO YÊN
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 12-5-2023

V/v: “Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO YÊN - TỈNH LÀO CAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Giang Thanh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Dương Quý Sáng và ông Trần Bá Đường

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Toàn - Kiểm sát viên.

Ngày 12/5/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 29/2023/TLST-HNGĐ ngày 03/3/2023 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 12/4/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2023/QĐST-HNGĐ ngày 27/4/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1984

Địa chỉ: Thôn T, xã L, huyện V, tỉnh Yên Bái.

Có mặt.

Bị đơn: Anh Vũ Quốc T, sinh năm 1979

Địa chỉ: Bản B4, xã B, huyện B, tỉnh Lào Cai

Vắng mặt lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện nộp ngày 28/02/2023, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Chị và anh Vũ Quốc T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện B, tỉnh Lào Cai ngày 07/10/2002. Sau khi kết hôn vợ chồng chị chung sống tại thôn T, xã L, huyện V, tỉnh Yên Bái, cuộc sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh T chơi cờ bạc cầm cố xe cộ, vợ chồng thường xuyên cãi nhau không có tiếng nói chung, anh có hứa sửa chữa nhưng không thay đổi. Từ cuối năm 2022 anh T ra ngoài đi làm ăn, sau đó anh về ở cùng mẹ đẻ tại bản B4, xã B, huyện B và anh chị đã ly thân không ai quan tâm nhau. Đến nay chị không còn tình cảm với anh T nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh T. Về con chung: Trong thời gian chung sống anh chị có ba con chung là cháu Vũ Anh T1 sinh ngày 28/02/2003, cháu

Vũ Anh T2 sinh ngày 28/6/2005 và cháu Vũ Nguyễn Việt A sinh ngày 10/8/2014. Hiện cháu T1 đã trưởng thành trên 18 tuổi, còn cháu T2 và cháu Việt A đang ở cùng chị. Chị đề nghị giải quyết cho chị được trực tiếp nuôi cả hai cháu và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Về tài sản và công nợ thì chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Vũ Quốc T, tại lời khai ngày 14/3/2023 anh T khai: sau khi kết hôn anh và chị T sống tại xã L, huyện V, tỉnh Yên Bái, cuộc sống chung xảy ra nhiều mâu thuẫn do chị T không chung thủy, có tình cảm với người khác và anh đã bắt được tin nhắn chị nhắn tin với người khác, anh và gia đình đã góp ý khuyên bảo chị nhưng chị không thay đổi. Tháng 10/2022 anh vào miền nam làm ăn, đến nay được tin chị T làm đơn xin ly hôn thì anh đã trở về sống tại bản B4, xã B, đối với yêu cầu của chị T thì anh không nhất trí ly hôn. Đối với con chung anh không đề nghị gì, trường hợp chị T cương quyết ly hôn thì tùy các cháu lựa chọn. Về tài sản và công nợ anh T cũng không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về việc cung cấp tài liệu, chứng cứ, nguyên đơn đã cung cấp đầy đủ các tài liệu chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án, bị đơn không cung cấp tài liệu chứng cứ gì. Tòa án đã hỏi ý kiến cháu Vũ Anh T2 và Vũ Nguyễn Việt A, nguyện vọng của T2 là cháu ở với bố hoặc mẹ đều được, cháu V có nguyện vọng muốn ở với mẹ. Tòa án đã thông báo hoà giải cho các đương sự đến hoà giải nhưng anh T không có mặt nên không tiến hành hoà giải được, sau đó anh T đã đi vắng khỏi địa phương không rõ thời điểm trở về nên Tòa án đã niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa hôm nay chị T giữ nguyên ý kiến xin ly hôn và xin được nuôi hai con chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Yên phát biểu quan điểm: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, bị đơn không chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ. Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị áp dụng: Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 147, 228 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, xử cho chị Nguyễn Thị T ly hôn anh Vũ Quốc T. Về con chung, xử giao cháu Vũ Anh T2 và Vũ Nguyễn Việt A cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Về án phí, chị T phải chịu cả tiền án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng: Chị Nguyễn Thị T có đơn yêu cầu giải quyết vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” với anh Vũ Quốc T, căn cứ vào Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai. **Anh T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.**

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì chị T và anh T có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện B, tỉnh Lào Cai ngày 07/10/2002, hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Theo lời khai của chị T, cuộc sống chung của anh chị có mâu thuẫn xảy ra do anh T chơi cờ bạc cầm cố xe cộ, vợ chồng thường xuyên cãi nhau không có tiếng nói chung, anh có hứa sửa chữa nhưng không thay đổi. Anh T công nhận cuộc sống chung với chị T có nhiều mâu thuẫn nhưng theo anh nguyên nhân chính là do chị T có quan hệ tình cảm với người khác. Quá trình giải quyết vụ án chị T đã cung cấp được chứng cứ chứng minh về mâu thuẫn vợ chồng, bên cạnh đó anh chị đều thừa nhận đã sống ly thân nhau từ tháng 10/2022 đến nay. Xét thấy đời sống hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, anh chị không còn chung sống với nhau nên mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T, xử cho chị T ly hôn anh T.

[3]. Về con chung: Chị T và anh T có ba con chung là cháu Vũ Anh T1 sinh ngày 28/02/2003, cháu Vũ Anh T2 sinh ngày 28/6/2005 và cháu Vũ Nguyễn Việt A sinh ngày 10/8/2014, cháu Tú đã trưởng thành trên 18 tuổi khỏe mạnh bình thường còn cháu T2 và cháu Việt A đang ở cùng chị T. Quá trình giải quyết vụ án chị T có nguyện vọng trực tiếp nuôi cả hai cháu, anh T không đề nghị gì. Xét thấy chị T hiện là lao động tự do có thu nhập nên có đủ điều kiện và khả năng nuôi dưỡng con chung, anh T là lao động tự do nhưng hiện nay vắng mặt khỏi địa phương. Do đó để đảm bảo cho các cháu được chăm sóc tốt nhất, phù hợp với nguyện vọng của các cháu thì Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình giao cháu Vũ Anh T2 và Vũ Nguyễn Việt A cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Về nghĩa vụ cấp dưỡng, tại phiên tòa hôm nay chị T không yêu cầu gì về cấp dưỡng nên anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4]. Về tài sản chung và công nợ chung: Anh chị không đề nghị gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu phí, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Xử cho chị Nguyễn Thị T ly hôn anh Vũ Quốc T.

2/ Về con chung, xử giao cháu Vũ Anh T2 sinh ngày 28/6/2005 và cháu Vũ Nguyễn Việt A sinh ngày 10/8/2014 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18

tuổi. Anh Vũ Quốc T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Sau khi ly hôn, anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

3/ Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai theo biên lai số 0001600 ngày 03/3/2023. Chị đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh LC;
- VKSND huyện Bảo Yên (2);
- UBND xã B;
- Đương sự;
- Chi cục THADS Bảo Yên;
- Lưu HS, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

(đã kí)

Hoàng Thị Giang Thanh

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hoàng Thị Giang Thanh

